

Số: 22 /GPMT-STNMT

Bình Dương, ngày 16 tháng 02 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 11/2022/QĐ-UBND ngày 18 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 975/QĐ-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cấp giấy phép môi trường đối với các dự án thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty cổ phần Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Dương số ...02.../CV-BVHMBD ngày .02 tháng .02. năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số ...3.52./TTr-CCBVMT ngày .07 tháng .02. năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Dương được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Dương (địa chỉ: số 45 đường Hồ Văn Cống, khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

- 1.1. Tên cơ sở: Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Dương.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: số 45 đường Hồ Văn Cống, khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
- 1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3701154518 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp lần đầu ngày 06 tháng 01 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 16 tháng 01 năm 2024.

1.4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 1341/QĐ-STNMT ngày 15 tháng 12 năm 2016 và Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2848/GXN-STNMT ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

1.5. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 103/BYT-GPHĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 và Quyết định số 2891/QĐ-BYT ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế.

1.6. Mã số thuế: 3701154518.

1.7. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám bệnh, chữa bệnh.

1.8. Phạm vi, quy mô, công suất

1.8.1 Phạm vi: Tổng diện tích đất của Bệnh viện là 23.620,5m².

1.8.2. Quy mô:

- Bệnh viện có tiêu chí như dự án đầu tư nhóm B theo tiêu chí phân loại của pháp luật về đầu tư công.

- Bệnh viện có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.8.3. Công suất:

- Theo chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 2699/UBND-VX ngày 19/9/2012 thì bệnh viện có quy mô 500 giường.

- Theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt tại Quyết định số 1341/QĐ-STNMT ngày 15/12/2016 thì bệnh viện có quy mô 400 giường.

- Công suất đang hoạt động thực tế hiện nay theo Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh số 103/BYT-GPHĐ ngày 11/12/2017 và Quyết định số 2891/QĐ-BYT ngày 11 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế là 200 giường.

- Quy trình khám bệnh, chữa bệnh:

+ Không có thẻ BHYT: Người bệnh → Các thủ tục cho khám bệnh → Chờ khám bệnh theo thứ tự → Khám bệnh → Thực hiện cận lâm sàng → Kê toa thuốc/Nhập viện/Chuyển viện → Kết thúc điều trị.

+ Có thẻ BHYT: Người bệnh → Các thủ tục cho khám bệnh → Chờ khám bệnh theo thứ tự → Khám bệnh → Thực hiện cận lâm sàng → Kê toa thuốc/Nhập viện/Chuyển viện → Đóng lệ phí thuốc và cận lâm sàng → Quầy dược BHYT lãnh thuốc → Kết thúc điều trị.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

ng

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Dương:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Dương có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải, bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải không được xử lý đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình thu gom, đấu nối nước thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến Sở Tài nguyên và Môi trường.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm.**

(Từ ngày 16...tháng 02...năm 2024 đến ngày 15...tháng 02...năm 2034).

Điều 4. Giao Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Dương (tại số 45 đường Hồ Văn Cống, khu phố 4, phường Tương Bình Hiệp, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương) của Công ty cổ phần Bệnh Viện Hoàn Mỹ Bình Dương theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Công ty cổ phần Bệnh viện Hoàn Mỹ Bình Dương;
- Sở Y tế tỉnh Bình Dương;
- UBND thành phố Thủ Dầu Một;
- UBND phường Tương Bình Hiệp;
- Thanh tra Sở;
- Cổng Thông tin điện tử Sở TNMT;
- Lưu: VT, CCBVMT, Mh6.



GIÁM ĐỐC

Ngô Quang Sự

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22 /GPMT-STNMT ngày 16 tháng 02 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt của nhân viên, khách khám bệnh phát sinh ở khu A, lưu lượng lưu lượng $19,8 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân và khách khám bệnh, điều trị bệnh ở khu B, lưu lượng $140 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 03: Nước thải từ hệ thống lọc RO chạy thận nhân tạo phát sinh ở khu B, lưu lượng $2,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân và khách khám bệnh, điều trị bệnh phát sinh ở khu C, lưu lượng $5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 05: Nước thải sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân và khách khám bệnh, điều trị bệnh phát sinh ở khu D, lưu lượng $60 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 06: Nước thải sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân và khách khám bệnh phát sinh ở Khoa Dược khu E, lưu lượng $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 07: Nước thải sinh hoạt của nhân viên, bệnh nhân và khách khám bệnh, điều trị bệnh phát sinh ở Khoa Nhi khu E, lưu lượng $12 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 08: Nước thải từ căn tin, lưu lượng $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 09: Nước thải từ khu nhà giặt, lưu lượng $10 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 10: Nước thải từ quá trình xử lý khí thải (mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải), lưu lượng $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$.
- Nguồn số 11: Nước thải từ quá trình vệ sinh khu lưu chứa chất thải rắn, lưu lượng $0,2 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: suối Mù U → rạch Bà Cô → sông Sài Gòn.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Tại 01 điểm đầu nối vào hệ thống thoát nước trên đường Hồ Văn Công (đã được Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một thống nhất điểm đầu nối tại văn bản số 1480/UBND-VP ngày 25 tháng 5 năm 2023).

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3⁰): X = 12.17.123; Y = 05.97.177.

- Điểm xả nước thải sau xử lý có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát việc xả thải theo quy định tại điểm đ Khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 262 m³/ngày.đêm (24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

- Nước thải sau xử lý (đạt quy chuẩn QCVN 28:2010/BTNMT, cột A, K=1,0) → Đầu nối vào hố ga thoát nước trên đường Hồ Văn Cống → Suối Mù U → Rạch Bà Cô → Sông Sài Gòn.

- Phương thức xả thải: tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: liên tục 24 giờ/ngày.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế - QCVN 28:2010/BTNMT (cột A, K = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /ngày	262	Không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP
2	pH	-	6,5 -8,5		
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30		
4	COD	mg/l	50		
5	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,0		
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	5		
8	Nitrat (tính theo N)	mg/l	30		
9	Phosphat (tính theo P)	mg/l	6		
10	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10		
11	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1		
12	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0		
13	Tổng coliforms	MPN/100ml	3.000		



Handwritten signature or mark in blue ink at the bottom right corner.

14	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
15	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
16	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

Ghi chú: Khuyến khích quan trắc định kỳ để tự theo dõi, giám sát hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải và chất lượng nước thải xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, ĐẦU NỔI NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh

- Nguồn số 01: Nước thải từ khu A được thu gom bằng ống uPVC D90 sau đó đầu nối vào đường ống uPVC D114 trước khi về bể tự hoại số 1 (thể tích 30m³) để xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào đường ống chung uPVC D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Nguồn số 02, 03, 04: Nước thải từ khu B và khu C được thu gom bằng ống uPVC D90 sau đó đầu nối vào đường ống uPVC D114 trước khi về bể tự hoại số 2 (thể tích 30m³) để xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào đường ống chung PVC D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải từ khu D được thu gom bằng ống uPVC D90 sau đó đầu nối vào đường ống uPVC D114 trước khi về bể tự hoại số 5 (thể tích 24m³) để xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào đường ống chung uPVC D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải từ khoa Dược khu E được thu gom bằng ống uPVC D90 sau đó đầu nối vào đường ống uPVC D114 trước khi về bể tự hoại số 3 (thể tích 24m³) để xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào đường ống chung uPVC D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Nguồn số 07: Nước thải từ khoa Nhi khu E được thu gom bằng ống uPVC D90 sau đó đầu nối vào đường ống uPVC D114 trước khi về bể tự hoại số 4 (thể tích 24m³) để xử lý sơ bộ, sau đó đầu nối vào đường ống chung uPVC D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Nguồn số 08: Nước thải từ căn tin được thu gom bằng ống uPVC D114, đầu nối vào đường ống chung uPVC D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Nguồn số 09: Nước thải từ khu nhà giặt được thu gom bằng ống uPVC D90, đầu nối vào đường ống chung uPVC D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

- Nguồn số 10: Nước thải từ quá trình xử lý khí thải (mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải) tự chảy về bể điều hòa bằng đường ống uPVC Ø21.

- Nguồn số 11: Nước thải từ quá trình vệ sinh khu lưu chứa chất thải rắn được thu gom bằng đường ống uPVC D114, đầu nối vào đường ống chung uPVC D300 dẫn về hệ thống xử lý nước thải để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình xử lý nước thải: Nước thải → Hồ thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể kỵ khí → Bể xử lý sinh học thiếu khí → Bể xử lý sinh học hiếu khí (có giá thể) → Bể lắng → Bể trung gian → Bồn lọc áp lực → Bể khử trùng → Hệ thống thoát nước trên đường Hồ Văn Công → Suối Mù U → Rạch Bà Cô → Sông Sài Gòn.

- Công suất thiết kế: 320 m³/ngày.

- Chế độ vận hành: liên tục (24 giờ/ngày).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH, Na₂S₂O₃, Javel.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố hỏng về điện hoặc do thiết bị, máy móc của hệ thống bị hư: Vận hành và bảo trì các máy móc thiết bị trong hệ thống thường xuyên theo đúng hướng dẫn kỹ thuật nhà cung cấp; lập hồ sơ giám sát kỹ thuật các công trình đơn vị để theo dõi sự ổn định của hệ thống, đồng thời tạo cơ sở để phát hiện sự cố một cách sớm nhất, nhằm sửa chữa kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố, tránh ảnh hưởng đến việc vận hành của hệ thống.

- Đối với sự cố do thao tác vận hành xử lý không đúng cách: Điều chỉnh lượng khí, nhu cầu dinh dưỡng, hóa chất do thao tác vận hành xử lý không đúng cách; đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình đã được hướng dẫn; lấy mẫu và phân tích chất lượng mẫu nước sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường: Bổ sung vi sinh cho các bể sinh học; tăng cường thổi khí của bể hiếu khí; ngưng hoạt động khu nhà giặt và hạn chế hoạt động của khu căn tin để giảm tối đa việc phát sinh nước thải. Tuần hoàn nước thải về lại bể điều hòa và lưu chứa nước thải trong các bể xử lý khác như bể thu gom, bể tách dầu mỡ, bể lắng bùn, bể trung gian, bể khử trùng (tổng thể tích các bể này khoảng 200m³, với lưu lượng nước thải hiện nay khoảng 100 m³/ngày thì các bể này có khả năng lưu chứa trong 02 ngày, khi lượng nước thải phát sinh tối đa là 262 m³/ngày thì có thể lưu chứa trong 18 giờ). Sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải được tiếp tục xử lý theo quy trình đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật về môi trường trước

khi xả ra nguồn tiếp nhận. Ngoài ra, Công ty sẽ ký hợp đồng nguyên tắc với các cơ sở xử lý chất thải nguy hại có chức năng phù hợp để xử lý nước thải nếu như sự cố chưa được khắc phục xong trong ngày.

- Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó phải báo ngay cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để được hỗ trợ về kỹ thuật và có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2848/GXN-STNMT ngày 30 tháng 6 năm 2020).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Bệnh viện bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Có nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan đến việc vận hành hệ thống xử lý nước thải: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả nước thải chưa qua xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22 /GPMT-STNMT ngày 16 tháng 02 năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải (bể kỵ khí), lưu lượng 1.600 m³/giờ.
- Nguồn số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng đốt bằng dầu DO, công suất 500 kVA, lưu lượng 5.000 m³/giờ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí thải (mùi hôi) sau xử lý. Tọa độ X = 1.216.980; Y = 597.250.
- Dòng khí thải số 02: Ống thoát khí thải máy phát điện dự phòng. Tọa độ X = 1.217.079; Y = 597.318

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3°)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: lưu lượng xả thải tối đa 1.600 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả thải tối đa 5.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: liên tục (24/24 giờ).
- Dòng khí thải số 02: khi máy phát điện hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p = 1,0$; $K_v = 0,6$) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
Dòng khí thải số 01					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	1.600	Không thuộc đối	Không thuộc đối

2	Amoniac	mg/Nm ³	30	tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	tượng quan trắc tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
3	H ₂ S	mg/Nm ³	4,5		
4	CH ₃ SH	mg/Nm ³	15		
Dòng khí thải số 02					
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	5.000	Không thuộc đối tượng quan trắc định kỳ theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	Bụi tổng	mg/Nm ³	120		
3	CO	mg/Nm ³	600		
4	SO ₂	mg/Nm ³	300		
5	NO _x	mg/Nm ³	510		

Ghi chú: Khuyến khích quan trắc định kỳ để tự theo dõi, giám sát hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải và chất lượng khí thải xả thải ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải để đưa về hệ thống xử lý:

- Nguồn khí thải số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải (bể kỵ khí) được thu gom bằng quạt hút công suất 1.600 m³/giờ theo đường ống D200mm vào thiết bị xử lý, sau đó thải ra môi trường qua ống thải cao 7m (tính từ mặt đất), đường kính 168mm.

- Nguồn khí thải số 02: Khí thải từ máy phát điện dự phòng được thu gom và phát tán qua ống thải cao 4,15m, đường kính 140mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý khí thải (mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải): Khí thải → Hệ thống ống dẫn → Quạt hút (lưu lượng 1.600 m³/giờ) → Tháp hấp thụ bằng dung dịch NaOH → Tháp hấp phụ bằng than hoạt tính (tháp hình trụ cao 2,2m, đường kính 0,7m) → Ống phát thải (Ống uPVC D168mm, cao 7m tính từ mặt đất).

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính (khối lượng 200kg/lần, tần suất thay 03 tháng/lần); NaOH (khối lượng 1.5kg/ngày).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

CH. C. N
SỞ
NGUYỄN
Y
TRƯỜNG
TH DƯ

kh

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo dưỡng định kỳ thiết bị xử lý khí thải; dự phòng thiết bị thay thế khi thiết bị xử lý khí thải hỏng hóc.
- Trường hợp các thông số ô nhiễm trong khí thải vượt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả thải, cán bộ vận hành tiến hành kiểm tra tháp hấp phụ, quạt hút theo quy trình vận hành hệ thống, kiểm tra toàn bộ hệ thống để tìm kiếm nguyên nhân và phạm vi sự cố để tiến hành xử lý.
- Trường hợp công trình, thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, phải thay thế, sửa chữa kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2848/GXN-STNMT ngày 30 tháng 6 năm 2020).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Bảo đảm bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý khí thải. Việc vận hành công trình xử lý bụi, khí thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các thông tin liên quan; nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ tối thiểu 02 năm.

3.3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục, không được phép xả khí thải chưa qua xử lý đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.



nh

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22 /GPMT-STNMT ngày 16 tháng 01 năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Máy móc, thiết bị khu vực trạm xử lý nước thải.
- Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Tọa độ X = 1.216.980; Y = 597.250;
- Nguồn số 02: Tọa độ X = 1.217.079; Y = 597.318;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung:

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	55	45	-	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	60	55	-	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc, thiết bị đảm bảo động cơ hoạt động ổn định; máy phát điện dự phòng, máy thổi khí được kê bằng tấm đệm cao su để giảm tiếng ồn.
- Trồng cây xanh xung quanh khu vực bệnh viện để hạn chế tiếng ồn và điều hòa không khí trong khu vực bệnh viện.

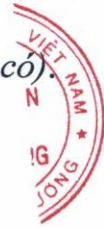


2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

2.2. Các điều kiện liên quan đến bảo vệ môi trường kèm theo (nếu có).

2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác (nếu có).



vdh

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22 /GPMT-STNMT ngày 16 tháng 04 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

ST T	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Ký hiệu phân loại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	KS	12 06 05	30.000
2	Các chất thải có tác nhân lây nhiễm	Rắn	NH	13 01 01	52.180
3	Hóa chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	Rắn	KS	13 01 02	57,1
4	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn	NH	13 01 03	10,1
5	Chất hàn răng amalgam thải bỏ	Rắn	NH	13 01 04	40
6	Bóng đèn huỳnh quang thải bỏ	Rắn	NH	16 01 06	38,09
7	Pin, ắc quy thải bỏ	Rắn	NH	16 01 12	59,04
8	Chất thải là vỏ chai thuốc, lọ thuốc, các dụng cụ dính thuốc thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	Rắn	KS	18 01 04	971,42
9	Hóa chất và hỗn hợp hoá chất phòng thí nghiệm thải có các thành phần nguy hại	Lỏng	KS	19 05 02	9.289,5
10	Than hoạt tính thải bỏ	Rắn	NH	12 01 04	1.000
Tổng cộng					93.645,25

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
01	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	18 01 05	Rắn	7.100
02	Chai lọ nhựa không dính hóa chất nguy hại	18 01 06	Rắn	4.000
03	Dầu mỡ thải		Rắn	9.500
Tổng khối lượng				20.600

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 437.854 kg/năm, tương đương khoảng 1.199,6 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:**2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:****2.1.1. Thiết bị lưu chứa:**

Trang bị các thùng chứa chất thải tại các khu, phòng khám, điều trị bệnh nhân, định kỳ hàng ngày vận chuyển đến kho lưu chứa và lưu chứa trong các thùng chứa loại 240 lít có nắp đậy, dán nhãn, mã chất thải nguy hại để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại tại kho. Đối với bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải được lưu chứa tại ngăn tách bùn của hệ thống xử lý nước thải.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Khu vực lưu trữ chất thải của bệnh viện được bố trí 2 kho với tổng diện tích là 18,4 m² gồm:

+ Kho chứa chất thải nguy hại không lây nhiễm: diện tích 9,2 m².

+ Kho chứa chất thải nguy hại lây nhiễm: diện tích 9,2 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô); kho chứa chất thải nguy hại lây nhiễm trang bị máy điều hòa công suất 1 HP.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Handwritten signature or mark.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng chứa chất thải tại các khu, phòng khám, điều trị bệnh nhân, định kỳ hàng ngày vận chuyển đến kho lưu chứa và lưu chứa trong các thùng chứa loại 120-240 lít có nắp đậy, dán nhãn để thu gom và bảo quản từng loại chất thải rắn thông thường.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa chất thải: 9,2 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị các thùng chứa chất thải tại đặt tại khu vực nhà vệ sinh, văn phòng làm việc, nhà bảo vệ,..., định kỳ hàng ngày vận chuyển đến kho lưu chứa và lưu chứa trong các thùng chứa loại 90-120 lít có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu lưu chứa chất thải: 9,2 m².
- Thiết kế, cấu tạo của kho: Vách gạch bao xung quanh; nền bê tông chống thấm, đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu; có nền cao hơn mặt bằng xung quanh, đảm bảo ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; đảm bảo không chảy tràn chất thải lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có mái tôn che kín nắng, mưa; cửa khóa, biển cảnh báo; trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường 2020.

12/11

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường của cơ sở theo quy định tại Khoản 4 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường và có trách nhiệm công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường của cơ sở; gửi kế hoạch ứng phó sự cố môi trường tới Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Thủ Dầu Một và Ủy ban nhân dân phường Tương Bình Hiệp theo quy định tại Khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; đồng thời, có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân phường Tương Bình Hiệp về nguy cơ sự cố môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường để thông tin cho tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư xung quanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 129 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Có trách nhiệm tổ chức ứng phó sự cố môi trường trong phạm vi cơ sở; trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, phải kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân phường Tương Bình Hiệp và Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn thành phố Thủ Dầu Một để phối hợp ứng phó theo quy định tại điểm a Khoản 4 Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU VỀ KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 22 /GPMT-STNMT ngày 16 tháng 01 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Dương)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học phải thực hiện.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG):

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định số 1341/QĐ-STNMT ngày 15 tháng 12 năm 2016 của Sở Tài nguyên và Môi trường và được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số 2848/GXN- STNMT ngày 30 tháng 6 năm 2020.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
2. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Quy định bảo vệ môi trường tỉnh Bình Dương ban hành kèm theo Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 06 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.
4. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
5. Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động.
6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn thông thường, chất thải

rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, chất thải y tế theo đúng quy định của pháp luật; hợp đồng đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

7. Luôn thực hiện các biện pháp không chế ô nhiễm và bảo vệ môi trường, đảm bảo toàn bộ chất thải phát sinh được thu gom và xử lý theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

8. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai Giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Đề bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố về môi trường xảy ra do triển khai và vận hành dự án.

10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.



Handwritten signature